

Bản án số: 122/2018/DS-ST

Ngày: 10/5/2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á C.

Địa chỉ trụ sở chính: 422 đường Nguyễn Thị Minh K, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ABC Tower, 444A-446 đường Cách Mạng T, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền số: 1041/UQ-QLN.17 ngày 05/12/2017).

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 223 chung cư Trần Văn K, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/01/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần Á C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Trần Hữu T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 22110430370. Chủ thẻ là ông Trần Hữu T, số thẻ 5465551610002700, ngày cấp thẻ 12/02/2011, hạn mức thẻ 60.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phí, phạt được điều chỉnh theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á C.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 12/02/2011 đến ngày 22/6/2014 ông T đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 331.701.967 đồng. Do ông T không thanh toán đầy đủ các khoản tiền cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng nên phát sinh phí là 560.000 đồng, lãi trong hạn là 42.342.987 đồng, phạt chậm trả là 3.478.097 đồng. Tổng số nợ của ông T đối với Ngân hàng là 378.083.051 đồng. Số tiền ông T đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 22/6/2014 là 315.577.838 đồng.

Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/6/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ 62.505.213 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất 38,7%/năm, sau ngày 12/6/2017 là 43,5%/năm.

Ngày 19/8/2015 ông T thanh toán cho Ngân hàng được 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 10/5/2018, ông T còn nợ Ngân hàng 156.095.510 đồng gồm: nợ gốc 60.505.213 đồng, nợ lãi quá hạn 95.590.298 đồng. Tại tòa Ngân hàng yêu cầu ông Trần Hữu T phải trả toàn bộ khoản nợ 156.095.510 đồng cho Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 5, khoản 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C yêu cầu bị đơn ông Trần Hữu T trả nợ thông qua giao dịch cấp thẻ tín dụng, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông T không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, ông T vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét Giấy ủy quyền số 1047/UQ-QLN.17 ngày 05/12/2017 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc: Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, từ ngày 12/02/2011 đến ngày 22/6/2014 ông T đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 331.701.967 đồng. Ngày 22/6/2014 ông T đã trả cho Ngân hàng 315.577.838 đồng. Số tiền gốc ông T còn nợ Ngân hàng là 16.121.129 đồng. Do ông T không thanh toán đầy đủ các khoản tiền cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng nên phát sinh phí là 560.000 đồng, lãi trong hạn là 42.342.987 đồng, phạt chậm trả là 3.478.097 đồng. Căn cứ vào quy định tại Điều 5.2 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Á C thì tất cả giao dịch thẻ, phí, lãi, phạt phát sinh trong kỳ mà khách hàng chưa thanh toán thì Ngân hàng nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo. Căn cứ vào quy định này thì Ngân hàng được nhập phí 560.000 đồng, lãi 42.342.987 đồng, phạt chậm trả 3.478.097 đồng vào số nợ gốc còn lại 16.121.129 đồng thành số dư nợ gốc tính đến ngày 22/6/2014 là 62.505.213 đồng. Theo xác nhận của Ngân hàng, ngày 19/8/2015 ông T có trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, tại phiên tòa ngày hôm nay, Ngân hàng yêu cầu ông T trả khoản tiền gốc 60.505.123 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử cần buộc ông T phải trả cho Ngân hàng 60.505.213 đồng nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Theo quy định tại điều 10.1 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ngay sau ngày đến

hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Á C là 38,7%/năm, sau ngày 12/6/2017 là 43,5%/năm. Xét mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng với ông T là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu tính lãi quá hạn của Ngân hàng đối với ông T là có căn cứ. Theo bảng kê tính lãi mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì từ ngày 23/6/2014 đến ngày 10/5/2018 ông T còn nợ tiền lãi quá hạn đối với Ngân hàng là 95.590.297 đồng. Hội đồng xét xử cần buộc ông T phải trả cho Ngân hàng khoản lãi quá hạn là 95.590.297 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hữu T phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông T phải chịu là 7.804.775 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Buộc ông Trần Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á C số tiền 156.095.510 đồng (trong đó nợ gốc là 60.505.213 đồng, lãi quá hạn là 95.590.297 đồng). Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 11/5/2018 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Á C kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/02/2011.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Hữu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.804.775 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Á C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.368.256 đồng theo biên lai thu tiền số 0001963 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương